

Teacher's name: Tran Giang

Phone: 0971363943

Student's name: Class: 2A2

Homework- Lesson 4: Listening - speaking

I/ Look and complete: (Điền chữ cái còn thiếu vào chỗ trống)

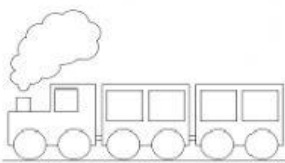
ther pa te ter sin nt

1 un <u>c</u> le	2 grand_____
3 cou_____	4 sis_____
5 bro_____	6 au_____

II/ Look and circle: (Nhìn và khoanh tròn từ đúng)



1. grandpa/ grandma



2. train/ car



3. brother/ sister



4. mum/ dad



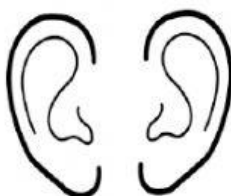
5. ruler/ pen



6. boat/ plane



7. uncle/ aunt



8. eyes/ ears



9. sister/ cousin

III/ Odd - one - out: (Khoanh tròn một từ khác nhóm với những từ còn lại và viết)

- | | | | | |
|------------|--------|-------------|---------|------------|
| 1. green | yellow | <u>aunt</u> | red | _____ aunt |
| 2. dad | book | mum | sister | _____ |
| 3. cousin | nose | arms | eyes | _____ |
| 4. puzzle | doll | yoyo | brother | _____ |
| 5. brother | table | uncle | grandpa | _____ |

IV. Read and match: (Đọc và nối)

- | | |
|------------------------|-----------------------|
| 1. What's your name? | A. He is my cousin. |
| 2. Is it your balloon? | B. It's a chair. |
| 3. Who is he? | C. My name's Billy. |
| 4. Who is she? | D. Yes, it is. |
| 5. What's this? | E. She is my grandma. |

IV. Fill in " He " / " She ". (Điền "He" hoặc "She" vào chỗ trống)



..... is my brother



..... is my sister.



..... is my aunt.



..... is my uncle.